Số: 19/TB-BVM
Thời gian ký: 06/08/2024 10:09:52 +07:00

BỆNH VIỆN MẮT BÌNH ĐỊNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ TUYỂN VÒNG 2, KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2024
(Kèm theo Thông báo số /TB-HĐTD ngày tháng 8 năm 2024 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú *(xã, huyện, tỉnh)*	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Đối tượng ưu tiên	Vị trí việc làm dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp	Ghi chú
		Nam	Nữ		Trình độ chuyên môn và chuyên ngành đào tạo *(Ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)*	Trình độ ngoại ngữ *(Ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)*	Trình độ tin học *(Ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)*					
1	Nguyễn Phúc Hồng Ân		16/8/2002	P. Chi Lăng, Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành kỹ thuật hình ảnh y học (Số hiệu văn bằng: CN001320)	Thiếu	CNTT cơ bản Số hiệu: C00230715	Không	Khoa Khám bệnh- Cấp cứu	Đại học ngành kỹ thuật hình ảnh y học hoặc Đại học ngành chẩn đoán hình ảnh	V.08.07.18	
2	Nguyễn Thị Hồng Cho		15/5/1992	P. Lê Hồng Phong, Quy Nhơn, Bình Định	Cao đẳng ngành Điều dưỡng (Số hiệu của văn bằng: A000268)			Không	Khoa Khám bệnh - Cấp cứu	Cao đẳng ngành điều dưỡng	V.08.05.13	
3	Nguyễn Trần Định	18/02/1992		P. Thị Nại, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học ngành Kế toán (Số hiệu của văn bằng C2000086)	Tiếng Anh B *(Tương đương Bậc 2)* (Số hiệu: A1316235)	CNTT cơ bản (Số hiệu: C00169304)	Không	Phòng Tổ chức - Hành chính - Tài chính	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, kiểm toán, tài chính	06.031	

4	Nguyễn Hương Giang		22/3/1984	P. Hải Cảng, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học ngành Kế toán (Số hiệu của văn bằng A277842)	Tiếng Anh B *(Tương đương Bậc 2)* (Số hiệu: B832617)	Thiếu KTV tin học (Số hiệu 962287)	Không	Phòng Tổ chức - Hành chính - Tài chính	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, kiểm toán, tài chính	06.031	
5	Trần Thị Hải		03/10/1987	Cư Suê, CưM'Gar, ĐăkLăk	Cử nhân ngành kế toán (Số hiệu của văn bằng 005169)	Tiếng Anh B *(Tương đương Bậc 2)* (Số hiệu: 0177034)	Tin học B *(tương đương CNTT cơ bản)* (Số hiệu: 0488114)	Không	Phòng Tổ chức - Hành chính - Tài chính	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, kiểm toán, tài chính	06.031	
6	Nguyễn Thị Hiền Lương		13/8/1985	P. Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn, Bình Định	Cử nhân ngành Văn thư - Lưu trữ (Số hiệu của văn bằng QH25201802277)			Không	Phòng Tổ chức - Hành chính - Tài chính	Đại học ngành hoặc chuyên ngành văn thư - lưu trữ	02.007	
7	Huỳnh Thị Hải Lý		02/02/1991	P. Bình Định, TX. An Nhơn, Bình Định	Cao đẳng ngành Điều dưỡng (Số hiệu của văn bằng: A432607)			Không	Khoa Khám bệnh - Cấp cứu	Cao đẳng ngành điều dưỡng	V.08.05.13	
8	Trương Hoàng Oanh		18/11/1992	P. Ghềnh Ráng, Quy Nhơn, Bình Định	Cử nhân ngành Tài chính -ngân hàng (Số hiệu của văn bằng 1337928)	Tiếng Anh B1 *(Tương đương Bậc 3)* (Số hiệu: 036080)	Tin học B *(tương đương CNTT cơ bản)* (Số hiệu: A416670)	Không	Phòng Tổ chức - Hành chính - Tài chính	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, kiểm toán, tài chính	06.031	

9	Huỳnh Xuân Phương	16/6/1985		P.Nhơn Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học ngành kế toán (Số hiệu của văn bằng A. 00018239)	Tiếng Anh C *(Tương đương Bậc 3)* (Số hiệu: A 1632702)	CNTT cơ bản (Số hiệu: 1216032)	Không	Phòng Tổ chức - Hành chính - Tài chính	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, kiểm toán, tài chính	06.031	
10	Trần Thị Thật		18/03/1998	An Hòa, An Lão, Bình Định	Cử nhân ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học (Số hiệu của văn bằng 001389)	Chứng nhận năng lực Tiếng Anh bậc 3 (Số hiệu: 2020B10335)	CNTT cơ bản (Số hiệu: 0823900)	Không	Khoa Dược-Vật tư y tế, thiết bị- Xét nghiệm-Chống nhiễm khuẩn	Đại học ngành xét nghiệm y học hoặc đại học ngành kỹ thuật xét nghiệm y học	V.08.07.18	
11	Hà Khánh Thùy		20/11/1998	P. Quang Trung, Quy Nhơn, Bình Định	Cử nhân ngành kế toán (Số hiệu của văn bằng:A. 0000666)	Chứng nhận năng lực Tiếng Anh bậc 3 (Số hiệu: 02593.19)	CNTT cơ bản (Số hiệu: 0645611)	Không	Phòng Tổ chức - Hành chính - Tài chính	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, kiểm toán, tài chính	06.031	
12	Văn Thị Huyền Trang		19/10/1993	P. Nhơn Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học (Số hiệu của văn bằng 001352)	Tiếng Anh B *(Tương đương Bậc 2)* (Số hiệu: A1319340)	Tin học B *(tương đương CNTT cơ bản)* (Số hiệu: A794082)	Không	Khoa Dược-Vật tư y tế, thiết bị- Xét nghiệm-Chống nhiễm khuẩn	Đại học ngành xét nghiệm y học hoặc đại học ngành kỹ thuật xét nghiệm y học	V.08.07.18	
13	Hồ Thanh Trung	21/8/1989		Mỹ Châu, Phù Mỹ, Bình Định	Cử nhân ngành Tài chính -ngân hàng (Số hiệu của văn bằng 345064)	Tiếng Anh C *(Tương đương Bậc 3)* (Số hiệu: A1632622)	Tin học B *(tương đương CNTT cơ bản)* (Số hiệu: 190983)	Không	Phòng Tổ chức - Hành chính - Tài chính	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, kiểm toán, tài chính	06.031	

14	Nguyễn Ái Vân		02/01/1991	P. Nhơn Bình, Quy Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh (Số hiệu của văn bằng 20000316)	Tiếng Anh B *(Tương đương Bậc 2)* (Số hiệu: 1176522)	CNTT cơ bản (Số hiệu 0000029)	Không	Phòng Tổ chức - Hành chính - Tài chính	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản trị kinh doanh	01.003	
15	Nguyễn Đậu Vũ	08/6/1991		P. Đập Đá, TX An Nhơn, Bình Định	Đại học ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học (Số hiệu của văn bằng 1143999)	Tiếng Anh B *(Tương đương Bậc 2)* (Số hiệu: A1472171)	Tin học B *(Tương đương CNTT cơ bản)* (Số hiệu: A1718380)	Không	Khoa Dược-Vật tư y tế, thiết bị- Xét nghiệm-Chống nhiễm khuẩn	Đại học ngành xét nghiệm y học hoặc đại học ngành kỹ thuật xét nghiệm y học	V.08.07.18	
16	Nguyễn Thị Kim Xuân		20/4/1992	P. Ngô Mây, Quy Nhơn, Bình Định	Cao đẳng ngành kế toán (Số hiệu của văn bằng B276480)			Không	Phòng Tổ chức - Hành chính - Tài chính	Cao đẳng ngành kế toán	06.032	
17	Nguyễn Thị Ngọc Xuyến		24/8/1989	P.Nhơn Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Cử nhân ngành Tài chính- ngân hàng (Số hiệu của văn bằng 175258)	Tiếng Anh B *(Tương đương Bậc 2)* (Số hiệu: B418394)	Tin học B *(Tương đương CNTT cơ bản)* (Số hiệu: 0500573)	Không	Phòng Tổ chức - Hành chính - Tài chính	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, kiểm toán, tài chính	06.031	

Danh sách này có : 17 Thí sinh